

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2024

Số 2245 /TB-ĐLTKV

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG

Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-ĐLTKV ngày 17/9/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá Gói cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc.

Tổng công ty Điện lực - TKV kính mời các Quý công ty/đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực và kinh nghiệm tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn với các nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời nhà cung cấp: Tổng công ty Điện lực - TKV.
- Tên gói cung cấp: Cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc.
- Giá gói cung cấp (đã bao gồm thuế GTGT, phí và lệ phí) là **707.324.405 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm linh bảy triệu, ba trăm hai mươi tư nghìn, bốn trăm linh năm đồng).
- Thời gian phát hành Bản yêu cầu báo giá: Từ thời điểm Bản yêu cầu báo giá được đăng tải trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>), Website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<http://dienluctkv.vn>) đến trước 9 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2024.
- Địa điểm phát hành Bản yêu cầu báo giá: BYCBG được phát hành miễn phí (đính kèm thông báo này) trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>), Website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<http://dienluctkv.vn>).
- Địa điểm nhận Báo giá: Văn phòng Tổng công ty Điện lực - TKV (Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội).
- Thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp: 9 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2024.
- Báo giá sẽ được mở công khai vào 9 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Văn phòng Tổng công ty Điện lực - TKV (Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

Tổng công ty Điện lực - TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp Báo giá tới tham dự lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng. *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH.

Tài liệu đính kèm:

- Bản yêu cầu báo giá Gói cung cấp: Cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói cung cấp: Cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc
Phát hành ngày: 19 / 9 / 2024
Ban hành kèm theo
Thông báo mời chào hàng Số 2245/ĐLTKV-KH

Tổ chuyên gia lập BYCBG
Tổ trưởng



Hoàng Minh Đạt

Bên mời nhà cung cấp
Tổng công ty Điện lực - TKV
Tổng giám đốc



Ngô Trí Thịnh

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá báo giá

Chương III. Biểu mẫu

Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp

Chương V. Dự thảo hợp đồng



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời nhà cung cấp	Tổng công ty Điện lực - TKV
Gói cung cấp	Cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc
Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV	Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực TKV - CTCP
BYCBG	Bản yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn
BG	Báo giá của nhà cung cấp
TKV	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
ĐLTKV	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói cung cấp này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b. Hạch toán tài chính độc lập;

c. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo luật đấu thầu.

3. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ nhưng không giới hạn ở các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nhà nước mà cá nhân đó là công dân.

b) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Nhà cung cấp có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Mục này được tham dự nộp hồ sơ gói cung cấp với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của BYCBG.

2. Nhà cung cấp phải nộp BG cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 2 Chương IV và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời cung cấp” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân

bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong BYCBG với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các gói cung cấp cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả gói cung cấp. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong BG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Thư giảm giá sẽ được bên mời nhà cung cấp bảo quản như một phần của BG và được mở đồng thời cùng BG của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng BG và không được ghi vào biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì BG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 3. Thành phần của BG

BG do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 - Biểu mẫu;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
5. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu;
6. Bản cam kết thực hiện gói cung cấp theo Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu;
7. Các nội dung khác yêu cầu trong BYCBG (nếu có).

Mục 4. Thời gian có hiệu lực của BG

1. Thời gian có hiệu lực của BG là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. BG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của BG, bên mời nhà cung cấp có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của BG đồng thời yêu cầu nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì BG của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp và trong trường hợp

này nhà cung cấp được nhận lại bảo đảm tham dự gói cung cấp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của BG.

Mục 5. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi BG

1. Nhà cung cấp chuẩn bị và nộp 01 Báo giá trực tiếp hoặc gửi BG theo đường bưu điện cho bộ phận văn thư (thông qua Biên bản giao nhận, giấy giới thiệu, CCCD của người đến nộp) của bên mời nhà cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp là 09 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2024. Bộ phận văn thư có trách nhiệm bảo quản và bàn giao lại cho Tổ chuyên gia một lần tất cả các hồ sơ đã nhận (thông qua Biên bản bàn giao) ở thời điểm sau khi hết hạn nộp Báo giá và trước thời điểm mở Báo giá.

2. Bên mời nhà cung cấp sẽ tiếp nhận BG của tất cả nhà cung cấp nộp BG trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Trường hợp nhà cung cấp nộp BG sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp thì BG bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại BG bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời nhà cung cấp trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

Trước thời điểm hết hạn nộp BG tham dự gói cung cấp, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế BG thì nhà cung cấp nộp BG thay thế hoặc BG sửa đổi cho bên mời nhà cung cấp.

Mục 6. Mở hồ sơ tham dự gói cung cấp

1. Bên mời nhà cung cấp tiến hành mở công khai BG của các nhà cung cấp vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Tổng công ty Điện lực - TKV (Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội) trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc mở hồ sơ tham dự gói cung cấp không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự.

2. Việc mở báo giá tham dự gói cung cấp được thực hiện đối với từng BG theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản BG và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: Tên nhà cung cấp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của BG, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời nhà cung cấp thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời nhà cung cấp phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản

cam kết thực hiện gói cung cấp. Bên mời nhà cung cấp không được loại bỏ bất kỳ BG nào khi mở hồ sơ tham dự gói cung cấp, trừ các BG nộp sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

3. Bên mời nhà cung cấp phải lập biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời nhà cung cấp và các nhà cung cấp tham dự lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự gói cung cấp.

Mục 7. Làm rõ Báo giá

1. Sau khi mở Báo giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Báo giá theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp (nếu có). Trường hợp Báo giá của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời nhà cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất được nêu trong Báo giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Báo giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Báo giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời Nhà cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Báo giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Báo giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời Nhà cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời Nhà cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Báo giá.

4. Việc làm rõ Báo giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời Nhà cung cấp và Nhà cung cấp có Báo giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Báo giá và được Bên mời Nhà cung cấp bảo quản như Báo giá đã nộp.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà thầu không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá Báo giá của Nhà thầu theo Báo giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có BG hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá BG;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá BG;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng gói cung cấp không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.

Mục 9. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>) hoặc Website của ĐLTKV (<http://dienluctkv.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời nhà cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 10. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, BG của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói cung cấp. Trường hợp cần thiết, Bên mời nhà cung cấp tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói cung cấp thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong BYCBBG thì Bên mời nhà cung cấp sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Khi đó, Bên mời nhà cung cấp sẽ huỷ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời nhà cung cấp phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói cung cấp theo đúng tiến độ.

Mục 11. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời nhà cung cấp: Tổng công ty

Điện lực - TKV (Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội);

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Tổng công ty Điện lực - TKV (Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội);

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Tổng công ty Điện lực - TKV (Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

Mục 12. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà cung cấp

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Tổng công ty Điện lực - TKV (Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BÁO GIÁ

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của BG

1. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của BG

BG của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc BG;
 - b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của BYCBG. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
 - c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong BYCBG;
 - d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời nhà cung cấp;
 - đ) Thời gian có hiệu lực của BG đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 4 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;
 - e) Không có tên trong hai hoặc nhiều BG với tư cách là nhà cung cấp chính (nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
 - g) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu;
 - h) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.
- Nhà cung cấp có BG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà cung cấp phải đạt cả 02 nội dung nêu tại bảng sau thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

TT	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1	Năng lực tài chính	Nhà cung cấp phải chứng minh tình hình tài chính lành mạnh: Yêu cầu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 có lãi. (Yêu cầu Nhà thầu nộp Báo cáo tài chính năm 2023).	Đạt

TT	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
		Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 không có lãi.	Không đạt
2	Cam kết có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu	Có cam kết	Đạt
		Không có cam kết	Không đạt

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật. Hồ sơ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	Đặc tính kỹ thuật của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp	Có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 2. Chương VI - Yêu cầu đối với gói cung cấp	Không có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 2. Chương VI - Yêu cầu đối với gói cung cấp
2	Nguồn gốc, xuất xứ của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp	Hàng hoá chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ	Hàng hoá chào không thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ
3	Địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng và lắp đặt) hàng hóa (<i>chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ</i>)	Có đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng và lắp đặt) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 2. Chương VI - Yêu cầu đối với gói cung cấp	Không đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng và lắp đặt) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 2. Chương VI - Yêu cầu đối với gói cung cấp
4	Bảo hành	Có cam kết bảo hành, đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3.4. Bảo hành, Mục 2. Chương VI - Yêu cầu đối với gói	Không có cam kết bảo hành, đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3.4. Bảo hành, Mục 2. Chương VI - Yêu cầu đối với gói

		cung cấp	
5	Cam kết đáp ứng các điều kiện của Chương V Dự thảo Hợp đồng	Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Chương V Dự thảo Hợp đồng	Không có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Chương V Dự thảo Hợp đồng

Mục 4. Xác định giá chào

Xác định giá chào theo phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có);

Bước 6: Xếp hạng nhà cung cấp. BG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt giá trị dự toán gói cung cấp thì được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong BYCBG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu

trên khác với số lượng nêu trong BYCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong BYCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời nhà cung cấp cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của gói cung cấp sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hoặc một số hạng mục trong BG của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với gói cung cấp này trong số các BG của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BG của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của gói cung cấp này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp này; trường hợp BG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói cung cấp: ____ [*Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp*]

Sau khi nghiên cứu Bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi Bản yêu cầu báo giá số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] theo đúng yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói cung cấp*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
 2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
 3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.
 4. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà cung cấp.
 5. Có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Sửa chữa hộp giảm tốc quạt tháp làm mát.
 6. Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.
- Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời nhà cung cấp, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của BYCBG.

(5) Ghi ngày đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định của BYCBG.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà cung cấp là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà cung cấp độc lập. Nếu nhà cung cấp được lựa chọn, trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp phải trình người mua bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của [*Ghi tên nhà cung cấp*] có địa chỉ tại [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói cung cấp [*Ghi tên gói cung cấp*] do [*Ghi tên bên mời nhà cung cấp*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ bản yêu cầu báo giá và văn bản giải trình, làm rõ báo giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với người mua nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [*Ghi tên nhà cung cấp*]. [*Ghi tên nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày đến ngày ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ bản, người được ủy quyền giữ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời nhà cung cấp cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.



THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên BYCBG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia chào hàng gói cung cấp ____ [Ghi tên gói cung cấp].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói cung cấp này là: ____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói cung cấp này. Trường hợp được lựa chọn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành

viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho người mua theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phân việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ BYCBG và văn bản giải trình, làm rõ BG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

TT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ - ____
	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ - ____
...
	Tổng cộng	Toàn bộ công việc của gói cung cấp	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không được lựa chọn;

- Huỷ lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp _____ [*Ghi tên gói cung cấp*]
theo thông báo của bên mời nhà cung cấp.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói cung cấp, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì BG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Stt	Vị trí thi công	Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	KL	SL	Đvt	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)
I RÈM CUỐN TRƠN									
TẦNG 16									
1	PHÒNG 1	Rèm cuốn trơn	1,58	3,64	5,75	4			
2	PHÒNG 2	Rèm cuốn trơn	1,09	1,10	1,20	2			
3			1,74	1,78	3,10	2			
4			1,44	1,48	2,13	1			
5			2,34	2,38	5,57	1			
6	PHÒNG 3	Rèm cuốn trơn	0,61	3,64	2,22	1			
7			1,13	3,64	4,11	3			
8	PHÒNG 4	Rèm cuốn trơn	1,39	3,64	5,06	2			
9			1,41	3,64	5,13	10			
10	PHÒNG 5	Rèm cuốn trơn	1,41	3,64	5,13	11	m ²		
11			1,40	3,64	5,10	1			
12	PHÒNG 8	Rèm vải Hàn Quốc	10,80	7,28	78,62	1			
		Voan Hàn Quốc	10,80	7,28	78,62				
13		Rèm vải Hàn Quốc	8,00	7,28	58,24	1			
		Voan Hàn Quốc	8,00	7,28	58,24				
14		Rèm vải Hàn Quốc	13,10	7,28	95,37	1			
		Voan Hàn Quốc	13,10	7,28	95,37				
15	PHÒNG 9	Rèm cuốn trơn	1,14	1,17	1,33	1			
16			1,39	1,40	1,95	1			

17			1,44	1,48	2,13	1			
18	PHÒNG 10+11	Rèm cuốn tròn	1,09	1,10	1,20	1			
19			1,14	1,18	1,35	2			
20			1,74	1,77	3,08	1			
21	PHÒNG 12	Rèm cuốn tròn	1,53	3,64	5,57	3			
22			1,71	3,64	6,22	1			
23	PHÒNG 13	Rèm cuốn tròn	0,95	3,64	3,46	1			
24			0,55	3,64	2,00	1			
25			1,44	3,64	5,24	8	m ²		
26	PHÒNG 14	Rèm cuốn tròn	1,74	1,78	3,10	1			
27			2,35	2,38	5,59	2			
28	PHÒNG 14	Rèm cuốn tròn	0,96	3,64	3,49	1			
29			1,44	3,64	5,24	4			
30	PHÒNG 16	Rèm cuốn tròn	1,74	1,78	3,10	1			
31			1,39	1,40	1,95	3			
32			1,09	1,10	1,20	2	m ²		
33			1,44	1,48	2,13	3			
34	PHÒNG 17	Rèm cuốn tròn	1,44	1,48	2,13	1			
35			0,78	1,48	1,15	1			
36	PHÒNG 18	Rèm cuốn tròn	1,44	1,48	2,13	1			
37			0,56	1,48	0,83	1			
41	PHÒNG 20	Rèm cuốn tròn	1,69	1,70	2,87	3			
42			1,40	3,20	4,48	8			
43			2,34	3,20	7,49	2			
44			2,30	2,30	5,29	1			
45			2,33	3,20	7,46	2			
46			0,47	3,63	1,71	1			
47			1,49	3,63	5,41	10			
48			1,48	3,63	5,37	6			
49	PHÒNG 21+22	Rèm cuốn tròn	1,47	3,64	5,35	1			
50			1,49	3,64	5,42	10			
51			1,23	3,64	4,48	1	m ²		
52			0,38	3,64	1,38	1			
53	PHÒNG 23	Rèm cuốn tròn	2,34	2,38	5,57	2			
54			1,40	3,20	4,48	4			
55			2,33	3,20	7,46	2			

56			1,03	3,64	3,75	2			
57			1,41	3,64	5,13	12			
TẦNG 17									
1	PHÒNG 24	Rèm cuốn tron	1,58	3,64	5,75	4	m ²		
2	PHÒNG 25	Rèm cuốn tron	1,40	3,64	5,10	3			
3	PHÒNG 26	Rèm cuốn tron	1,41	3,64	5,13	3			
4	PHÒNG 27	Rèm cuốn tron	1,41	3,64	5,13	3			
5	PHÒNG 28	Rèm cuốn tron	1,41	3,64	5,13	3			
6	PHÒNG 29	Rèm cuốn tron	1,41	3,64	5,13	4			
7			1,40	3,64	5,10	2			
8	PHÒNG 30	Rèm cuốn tron	1,41	3,64	5,13	6			
9	PHÒNG 32	Rèm cuốn tron	1,44	1,48	2,13	1			
10	PHÒNG 33	Rèm cuốn tron	1,14	1,17	1,33	2			
11			1,44	1,48	2,13	2	m ²		
12			1,39	1,40	1,95	1			
13	PHÒNG 35	Rèm cuốn tron	1,74	1,78	3,10	1			
14	PHÒNG 36	Rèm cuốn tron	1,53	3,64	5,57	3			
15			1,71	3,64	6,22	1			
16	PHÒNG 37	Rèm cuốn tron	0,95	3,64	3,46	1			
17			0,55	3,64	2,00	1			
18	PHÒNG 37	Rèm cuốn tron	1,44	3,64	5,24	8			
19	PHÒNG 38	Rèm cuốn tron	1,44	3,64	5,24	4			
20			0,96	3,64	3,49	1			
21			2,34	2,38	5,57	1	m ²		
22			1,39	1,40	1,95	1			
23			2,29	2,30	5,27	1			
24	PHÒNG 39+40	Rèm cuốn tron	1,14	1,17	1,33	3			
25			1,09	1,10	1,20	3			
26	PHÒNG 41	Rèm cuốn tron	1,39	1,40	1,95	1			

27			0,67	1,48	0,99	1			
28	PHÒNG 42	Rèm cuốn trơn	1,09	1,10	1,20	1			
29			0,67	1,48	0,99	1			
30	PHÒNG 43+44	Rèm cuốn trơn	2,29	2,30	5,27	1			
31			1,39	1,40	1,95	1			
32			1,44	1,48	2,13	1			
33	PHÒNG 46+47	Rèm cuốn trơn	1,49	3,64	5,42	5	m ²		
34			1,48	3,64	5,39	1			
35	PHÒNG 48	Rèm cuốn trơn	1,48	3,64	5,39	1			
36			1,49	3,64	5,42	4			
37			1,24	3,64	4,51	1			
38			1,09	3,64	3,97	1			
39			1,12	3,64	4,08	3			
THÀNH TIỀN (I)									
THUẾ VAT 8%									
TỔNG CỘNG (I)									
II	ĐỘNG CƠ TẦNG 16 (PHÒNG 8) - ĐỘNG CƠ IH80-WIFI								
1	<p>Model: IH80-WIFI (Điều khiển qua điện thoại, hẹn giờ đóng mở...) Nguồn điện AC 220V, 50/60Hz, 65W. * Kéo 6m, 35kg vải; Vận tốc, tốc độ 12cm/s. * Bảo hành động cơ 3 năm Kết nối nhà thông minh công Dry Contact. Kết nối app điện thoại, loa thông minh. Kích thước 50 x 50 x 295mm.</p>					Bộ	12		
2	Bộ phụ kiện cố định thanh động cơ (chốt đầu thanh nhôm, lưỡi gà, chốt dây, khớp nối)					Bộ	12		
3	Thanh ray động cơ đầy đủ phụ kiện					m	63,8		
4	Điều khiển					Cái	1		
THÀNH TIỀN (II)									
THUẾ VAT 10%									
TỔNG CỘNG (II)									
TỔNG CỘNG (I+II)									
<i>(Bảng chữ:.....)</i>									

m

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (5), (6) do nhà cung cấp chào.



BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI CUNG CẤP

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: _____ [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] do _____ [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết:

- Cam kết thực hiện gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng nội dung yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá được duyệt.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải cam kết theo mẫu này.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI CUNG CẤP

Mục 1. Giới thiệu chung về gói cung cấp

- Tên gói cung cấp: Cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng.

Mục 2. Phạm vi cung cấp hàng hoá

1. Phạm vi cung cấp hàng hoá

- Khối lượng dự kiến thực hiện gói cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc. Chi tiết theo bảng sau:

Stt	Vị trí thi công	Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	KL	SL	Đvt		
I RÈM CUỐN TRƠN									
TẦNG 16									
1	PHÒNG 1	Rèm cuốn trơn	1,58	3,64	5,75	4			
2	PHÒNG 2	Rèm cuốn trơn	1,09	1,10	1,20	2			
3			1,74	1,78	3,10	2			
4			1,44	1,48	2,13	1			
5			2,34	2,38	5,57	1			
6	PHÒNG 3	Rèm cuốn trơn	0,61	3,64	2,22	1			
7			1,13	3,64	4,11	3			
8	PHÒNG 4	Rèm cuốn trơn	1,39	3,64	5,06	2			
9			1,41	3,64	5,13	10			
10	PHÒNG 5	Rèm cuốn trơn	1,41	3,64	5,13	11	m ²		
11			1,40	3,64	5,10	1			
12	PHÒNG 8	Rèm vải Hàn Quốc	10,80	7,28	78,62	1			
		Voan Hàn Quốc	10,80	7,28	78,62				
13		Rèm vải Hàn Quốc	8,00	7,28	58,24	1			
		Voan Hàn Quốc	8,00	7,28	58,24				

14		Rèm vải Hàn Quốc	13,10	7,28	95,37	1			
		Voan Hàn Quốc	13,10	7,28	95,37				
15	PHÒNG 9	Rèm cuốn trơn	1,14	1,17	1,33	1			
16			1,39	1,40	1,95	1			
17			1,44	1,48	2,13	1			
18	PHÒNG 10+11	Rèm cuốn trơn	1,09	1,10	1,20	1			
19			1,14	1,18	1,35	2			
20			1,74	1,77	3,08	1			
21	PHÒNG 12	Rèm cuốn trơn	1,53	3,64	5,57	3			
22			1,71	3,64	6,22	1			
23	PHÒNG 13	Rèm cuốn trơn	0,95	3,64	3,46	1			
24			0,55	3,64	2,00	1			
25			1,44	3,64	5,24	8	m ²		
26	PHÒNG 14	Rèm cuốn trơn	1,74	1,78	3,10	1			
27			2,35	2,38	5,59	2			
28	PHÒNG 14	Rèm cuốn trơn	0,96	3,64	3,49	1			
29			1,44	3,64	5,24	4			
30	PHÒNG 16	Rèm cuốn trơn	1,74	1,78	3,10	1			
31			1,39	1,40	1,95	3			
32			1,09	1,10	1,20	2	m ²		
33			1,44	1,48	2,13	3			
34	PHÒNG 17	Rèm cuốn trơn	1,44	1,48	2,13	1			
35			0,78	1,48	1,15	1			
36	PHÒNG 18	Rèm cuốn trơn	1,44	1,48	2,13	1			
37			0,56	1,48	0,83	1			
41	PHÒNG 20	Rèm cuốn trơn	1,69	1,70	2,87	3			
42			1,40	3,20	4,48	8			
43			2,34	3,20	7,49	2			
44			2,30	2,30	5,29	1			
45			2,33	3,20	7,46	2			
46			0,47	3,63	1,71	1			
47			1,49	3,63	5,41	10			
48			1,48	3,63	5,37	6			

m

49	PHÒNG 21+22	Rèm cuốn trơn	1,47	3,64	5,35	1			
50			1,49	3,64	5,42	10			
51			1,23	3,64	4,48	1	m ²		
52			0,38	3,64	1,38	1			
53	PHÒNG 23	Rèm cuốn trơn	2,34	2,38	5,57	2			
54			1,40	3,20	4,48	4			
55			2,33	3,20	7,46	2			
56			1,03	3,64	3,75	2			
57			1,41	3,64	5,13	12			
TẦNG 17									
1	PHÒNG 24	Rèm cuốn trơn	1,58	3,64	5,75	4	m ²		
2	PHÒNG 25	Rèm cuốn trơn	1,40	3,64	5,10	3			
3	PHÒNG 26	Rèm cuốn trơn	1,41	3,64	5,13	3			
4	PHÒNG 27	Rèm cuốn trơn	1,41	3,64	5,13	3			
5	PHÒNG 28	Rèm cuốn trơn	1,41	3,64	5,13	3			
6	PHÒNG 29	Rèm cuốn trơn	1,41	3,64	5,13	4			
7			1,40	3,64	5,10	2			
8	PHÒNG 30	Rèm cuốn trơn	1,41	3,64	5,13	6			
9	PHÒNG 32	Rèm cuốn trơn	1,44	1,48	2,13	1			
10	PHÒNG 33	Rèm cuốn trơn	1,14	1,17	1,33	2			
11			1,44	1,48	2,13	2	m ²		
12			1,39	1,40	1,95	1			
13	PHÒNG 35	Rèm cuốn trơn	1,74	1,78	3,10	1			
14	PHÒNG 36	Rèm cuốn trơn	1,53	3,64	5,57	3			
15			1,71	3,64	6,22	1			
16	PHÒNG 37	Rèm cuốn trơn	0,95	3,64	3,46	1			
17			0,55	3,64	2,00	1			
18	PHÒNG 37	Rèm cuốn trơn	1,44	3,64	5,24	8			
19	PHÒNG 38	Rèm cuốn trơn	1,44	3,64	5,24	4			
20			0,96	3,64	3,49	1			
21			2,34	2,38	5,57	1	m ²		

22			1,39	1,40	1,95	1			
23			2,29	2,30	5,27	1			
24	PHÒNG 39+40	Rèm cuốn trơn	1,14	1,17	1,33	3			
25			1,09	1,10	1,20	3			
26	PHÒNG 41	Rèm cuốn trơn	1,39	1,40	1,95	1			
27			0,67	1,48	0,99	1			
28	PHÒNG 42	Rèm cuốn trơn	1,09	1,10	1,20	1			
29			0,67	1,48	0,99	1			
30	PHÒNG 43+44	Rèm cuốn trơn	2,29	2,30	5,27	1			
31			1,39	1,40	1,95	1			
32			1,44	1,48	2,13	1			
33	PHÒNG 46+47	Rèm cuốn trơn	1,49	3,64	5,42	5	m ²		
34			1,48	3,64	5,39	1			
35	PHÒNG 48	Rèm cuốn trơn	1,48	3,64	5,39	1			
36			1,49	3,64	5,42	4			
37			1,24	3,64	4,51	1			
38			1,09	3,64	3,97	1			
39			1,12	3,64	4,08	3			
II ĐỘNG CƠ TẦNG 16 (PHÒNG 8) - ĐỘNG CƠ IH80-WIFI									
1	<p>Model: IH80-WIFI hoặc tương đương (Điều khiển qua điện thoại, hẹn giờ đóng mở...) Nguồn điện AC 220V, 50/60Hz, 65W. * Kéo 6m, 35kg vải; Vận tốc, tốc độ 12cm/s. * Bảo hành động cơ 3 năm Kết nối nhà thông minh công Dry Contact. Kết nối app điện thoại, loa thông minh. Kích thước 50 x 50 x 295mm.</p>					Bộ	12		
2	Bộ phụ kiện cố định thanh động cơ (chốt đầu thanh nhôm, lưỡi gà, chốt dây, khớp nối)					Bộ	12		
3	Thanh ray động cơ đầy đủ phụ kiện					m	63,8		
4	Điều khiển					Cái	1		

m

(*) Trong trường hợp nhà cung cấp chào khác sản phẩm được chọn làm chỉ dẫn tương đương về thông số kỹ thuật, nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh sản phẩm do mình đề xuất cung cấp là tương đương và đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật theo Bản yêu cầu báo giá.

(**) Khối lượng chào thầu và thời gian lắp đặt có thể được nhà cung cấp đề xuất theo điều kiện khảo sát thực tế do Nhà cung cấp thực hiện nhưng phải có tài liệu chứng minh.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng

- Địa chỉ thực hiện: Khu văn phòng trụ sở Tổng công ty Điện lực - TKV tại tầng 16, 17 Tòa nhà Vinacomin (số 3 đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

- Thời gian giao hàng: 01 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Nhà cung cấp được phép tiến hành khảo sát điều kiện và thời gian lắp đặt tại văn phòng của Tổng công ty trước khi thực hiện. ĐLTKV sẽ không chấp nhận bất kỳ lý do nào về việc lắp đặt, thi công không đạt chất lượng, tiến độ do không thỏa mãn về điều kiện khảo sát thi công.

3. Chất lượng kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật

3.1. Chất lượng hàng hóa và vật liệu lắp đặt

(i) Toàn bộ hàng hóa, vật tư phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy cách theo quy định.

(ii) Hàng hóa là hàng mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện.

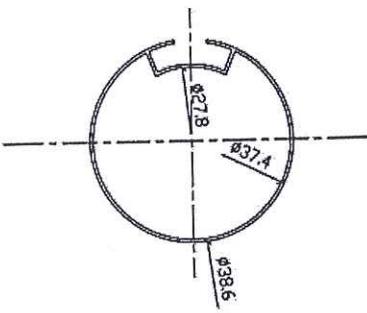
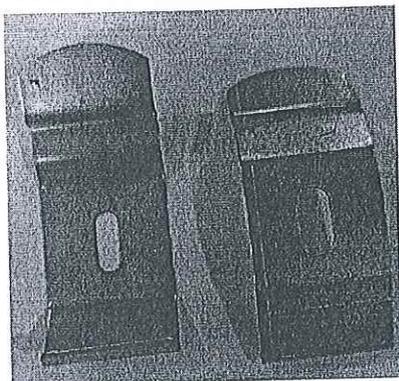
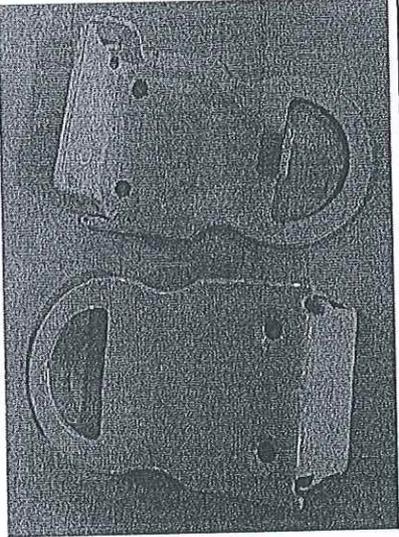
(iii) Vật liệu, thiết bị trong nước phải có chứng chỉ xuất xưởng của nhà sản xuất, chứng chỉ chất lượng đi kèm.

(iv) Vật liệu nhập khẩu phải có CO/CQ.

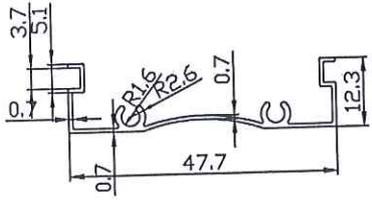
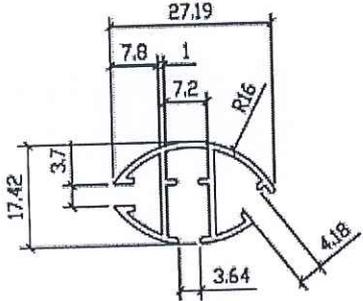
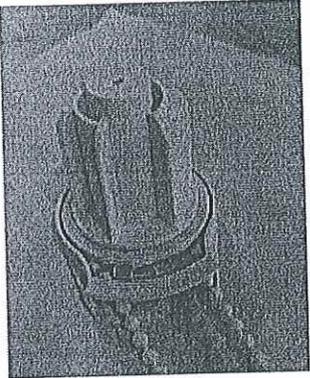
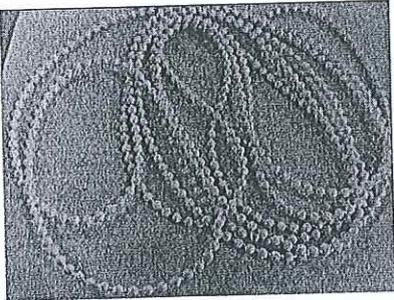
3.2. Yêu cầu kỹ thuật của gói cung cấp

STT	Vật liệu	Công dụng	Yêu cầu chi tiết	Hình ảnh minh họa
1	Chất liệu vải rèm cuốn Mã: XP20 hoặc tương đương	Cản sáng, chống nắng, chống tia UV, kháng khuẩn, chống bụi	Chất liệu 100% polyester (vải dệt thoi tổng hợp), không bám bụi, dễ dàng vệ sinh bằng khăn ẩm. Kích thước rèm rộng 2.5m-3m. Độ dày vải 0.31mm, trọng lượng 310g/m ²	

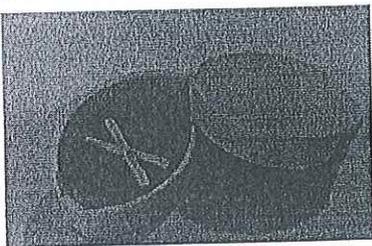
✓

STT	Vật liệu	Công dụng	Yêu cầu chi tiết	Hình ảnh minh họa
2	Ống cuộn rèm	Cuộn vải theo chiều lên và xuống trong quá trình vận hành	Chất liệu nhôm sơn tĩnh điện đường kính 38.6mm, tỷ trọng 0.216kg/m \pm 10%	
3	Bộ bass lắp rèm	Dùng để cố định rèm vào khung cửa	Làm bằng thép CT3 mạ kẽm không rỉ, theo quy cách định trước.	
4	Bát ốp 2 bên đầu rèm	Có tác dụng bịt chắn 2 đầu máng rèm tạo thành hộp rèm hoàn thiện, thẩm mỹ	Chất liệu bằng sắt	



STT	Vật liệu	Công dụng	Yêu cầu chi tiết	Hình ảnh minh họa
5	Hộp rèm (thanh máng trên)	Che ống cuộn và bộ phụ kiện kỹ thuật	2. Hộp rèm: Nhôm sơn màu tĩnh điện, 4 màu tùy chọn, tỷ trọng 1.2kg/6m± 10%	 <p>1. 2KG/6M</p>
6	Thanh dưới (thanh đáy)	Giữ thẳng bằng cho rèm trong quá trình vận hành	Thanh dưới: Nhôm sơn màu tĩnh điện, 4 màu tùy chọn, tỷ trọng 0.248kg/m± 10%	
7	Đầu kéo (F28)	Vận hành rèm cuộn lên, cuộn xuống vào ống cuộn rèm	Nhựa POM-Acetal chống bào mòn Trọng lượng bộ đầu 40g có sức tải tối đa 4.5kg	
8	Dây kéo	Kéo rèm cuộn lên, hạ xuống	Dây kéo hạt bằng nhựa dùng để lắp vào đầu kéo Độ bền kéo \geq 150N.mm2	



STT	Vật liệu	Công dụng	Yêu cầu chi tiết	Hình ảnh minh họa
9	Nắp bịt thanh đáy	Bịt hai đầu thanh đáy	Chất liệu nhựa	

3.2. Yêu cầu an toàn của gói cung cấp

- Nhà cung cấp phải tuân thủ theo các nội quy, quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các chỉ dẫn của ĐLTKV, TKV khi vào làm việc tại địa điểm thực hiện.

- Nhà cung cấp phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV của Nhà cung cấp khi làm việc tại nhà máy căn cứ trên điều kiện công việc cụ thể.

3.3. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu

Tất cả các công việc do Nhà cung cấp thực hiện sẽ được Bên mời cung cấp kiểm tra, giám sát thường xuyên kể khi Nhà cung cấp thực hiện công việc bao gồm:

- Xác định khối lượng thực hiện: Sau khi Nhà cung cấp thực hiện xong công việc tại hiện trường để làm căn cứ xác định khối lượng nghiệm thu hoàn thành.

- Nghiệm thu kỹ thuật: Sau khi Nhà cung cấp thực hiện xong công việc, Nhà cung cấp mời Bên mời cung cấp cùng tiến hành kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật tại hiện trường để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhà cung cấp đã thực hiện. Công việc được đánh giá đạt kỹ thuật với các chỉ tiêu sau:

- + Chất liệu rèm cuốn: 100% Polyester (vải dệt thoi tổng hợp);
- + Mã rèm: Rèm cuốn trơn
- + Bề mặt: Trơn bóng 1 màu;
- + Không thấm nước, không bám bụi, vệ sinh dễ bằng khăn ướt;
- + Cán sáng 100%
- + Chống nắng 100%
- + Cán nhiệt chống nóng: >80%
- + Dây kéo: Hạt nhựa tải kéo 50kg;
- + Đầu kéo rèm cuốn: Nhựa nguyên sinh, có cơ chế tự hãm mọi độ cao, chống ồn;
- + Hoạt động theo nguyên tắc: Cuốn tròn như cửa cuốn: Kéo lên thả

m

xuống tự dùng khi buông tay;

- + Kích thước rèm cửa cuốn: Khổ rèm rộng 2.5m-3m. Độ dày vải 0.31mm, trọng lượng 310g/m²;
- + Quy cách lắp rèm cuốn: Có thể lắp rèm cuốn lọt trong lòng cửa, treo tường hoặc gắn lên trần.

- Nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc: Căn cứ trên biên bản nghiệm thu kỹ thuật công việc, Bên mời cung cấp sẽ phối hợp với Nhà cung cấp cùng xác nhận chính xác khối lượng công việc hoàn thành thực tế tại hiện trường.

3.4. Bảo hành

- Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành (Riêng động cơ bảo hành 5 năm kể từ ngày hai Bên ký nghiệm thu)

Nhà cung cấp có trách nhiệm thực hiện bảo hành tất cả hạng mục công việc theo yêu cầu. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết.

Thời hạn bảo hành được tính từ ngày hai Bên nghiệm thu toàn bộ công trình và đưa công trình vào sử dụng.

Trong quá trình hoạt động, có sự cố liên quan đến hàng hóa, Nhà cung cấp có trách nhiệm trong vòng 48 tiếng (kể từ lúc nhận được thông báo từ bên mời nhà cung cấp) phải cử kỹ thuật viên đến địa điểm để kiểm tra và khắc phục. Sau khoảng thời gian này, mà Nhà cung cấp không có nhân viên đến khắc phục, thì Bên mời nhà cung cấp được quyền dùng dịch vụ từ một đơn vị thứ 3 và mọi chi phí cho việc bảo hành này, Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm thanh toán.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói cung cấp: Cung cấp, lắp đặt rèm cửa khu văn phòng làm việc

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn Nhà cung cấp Gói cung cấp;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời cung cấp (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mời cung cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đại diện là ông:

Chức vụ: **Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____

(trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp dịch vụ theo danh mục

được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Nội dung công việc và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá của Nhà cung cấp;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Bàn giao địa điểm thực hiện cho Bên B; Thông báo cho Bên B địa điểm tập kết hàng, đồng thời cử người cùng Bên B kiểm đếm hàng hoá và tiến hành lập biên bản giao hàng sau khi kết thúc tại công trình;
2. Cử cán bộ giám sát, nghiệm thu, xác nhận khối lượng công việc Bên B hoàn thành.
3. Phối hợp với Bên B giải quyết các khó khăn, vướng mắc và các phát sinh trong quá trình Bên B thực hiện công việc.
4. Cam kết thanh toán cho Bên B theo điều kiện thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.
5. Bên A đảm bảo không cho phép bất kỳ ai không phải là người của Bên B thực hiện bất kỳ công việc liên quan đến công tác thực hiện dịch vụ tại văn phòng của Bên A mà không có sự đồng ý của Bên B.
6. Cùng Bên B nghiệm thu khối lượng và chất lượng công việc khi kết thúc công tác để làm cơ sở thanh quyết toán giữa hai bên. Bên A có trách nhiệm ký Biên bản nghiệm thu trong vòng 05 ngày, kể từ khi Bên B hoàn thành dịch vụ. Sau thời gian trên được xem là Bên A đã đồng ý ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.
7. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thông báo cho Bên A thời gian nhận hàng trước 02 ngày;
2. Đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật của bên A;
3. Tiến hành cung ứng đủ chủng loại, số lượng hàng hoá đảm bảo chất lượng như được quy định về quy cách và chất lượng sản phẩm theo quy định của

WV ✓

Hợp đồng và Phụ lục đính kèm (nếu có);

4. Đảm bảo chất lượng công việc hoàn thành phải theo đúng những điều kiện liên quan đến chất lượng công việc. Trường hợp bên B lắp đặt không đạt các yêu cầu về chất lượng thì bên B phải bằng chi phí của mình tháo dỡ các phần việc không đạt chất lượng và làm lại toàn bộ đúng theo tiêu chuẩn của bên A đưa ra;

5. Chịu trách nhiệm về quy chế bảo hành và chịu các chi phí phát sinh trong quá trình bảo hành được quy định tại Điều 9 của hợp đồng;

6. Mua bảo hiểm vật tư, thiết bị, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3;

7. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong quá trình cung ứng dịch vụ;

8. Thu dọn vệ sinh phế thải tại các vị trí sau khi thi hoàn thành công việc;

9. Phối hợp với Bên A giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình Bên B thực hiện công việc;

10. Quản lý vật tư, thiết bị, lao động đảm bảo an toàn, an ninh trật tự không gây ảnh hưởng đến khu vực không thuộc phạm vi được bàn giao;

11. Chấp hành đầy đủ các nội quy về an toàn lao động và chịu hoàn toàn trách nhiệm về công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho người và thiết bị của mình trong thời gian thi công;

12. Phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A theo đúng giá trị quyết toán đã được hai bên thống nhất;

13. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ bằng đồng Việt Nam. Giá hợp đồng là cố định. Trường hợp tăng hoặc giảm phạm vi công việc của Hợp đồng, hai bên sẽ ký phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, giá hợp đồng được thay đổi trên cơ sở khối lượng công việc tăng hoặc giảm].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

+) Văn bản đề nghị thanh toán;

+) Hóa đơn tài chính hợp lệ;

+) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

+) Biên bản thanh toán.

+) CO, CQ chứng chỉ xuất xứ, xuất xưởng kèm theo hàng hóa (nếu có)

c) Số lần thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành cho Bên B sau khi Bên A đã nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Điều chỉnh hợp đồng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Bên A có thể ký hợp đồng với Bên B khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

b) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

- Nếu Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Bên B theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo hợp đồng về việc này trong vòng

sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về việc quá hạn thanh toán.

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Bên B không thể thực hiện được hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà cung cấp. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

Điều 10. Bất khả kháng

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng

này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 11. Phạt và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng (không kể trường hợp Bên A yêu cầu) thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 0,2%/ngày giá trị phần công việc không thực hiện cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 12. Giám sát và nghiệm thu

Tất cả các công việc do Nhà cung cấp thực hiện sẽ được Bên mời cung cấp kiểm tra, giám sát thường xuyên kể khi Nhà cung cấp thực hiện công việc bao gồm:

- Xác định khối lượng thực hiện: Sau khi Nhà cung cấp thực hiện xong công việc tại văn phòng để làm căn cứ xác định khối lượng nghiệm thu hoàn thành.

- Nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc: Căn cứ trên biên bản nghiệm thu kỹ thuật công việc, Bên mời cung cấp sẽ phối hợp với Nhà cung cấp cùng xác nhận chính xác khối lượng công việc hoàn thành thực tế tại hiện trường.

Điều 13. Bảo hành

- Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành (Riêng động cơ bảo hành 5 năm kể từ ngày hai Bên ký nghiệm thu).

Nhà cung cấp có trách nhiệm thực hiện bảo hành tất cả hạng mục công việc theo yêu cầu. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết.

Thời hạn bảo hành được tính từ ngày hai Bên nghiệm thu toàn bộ công trình và đưa công trình vào sử dụng.

Trong quá trình hoạt động, có sự cố liên quan đến hàng hóa, Nhà cung cấp có trách nhiệm trong vòng 48 tiếng (kể từ lúc nhận được thông báo từ bên mời nhà cung cấp) phải cử kỹ thuật viên đến địa điểm để kiểm tra và khắc phục. Sau khoảng thời gian này, mà Nhà cung cấp không có nhân viên đến khắc phục, thì Bên mời nhà cung cấp được quyền dùng dịch vụ từ một đơn vị thứ 3 và mọi chi phí cho việc bảo hành này, Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm thanh toán.

W

Bằng chi phí của mình, Nhà cung cấp có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa, thay thế mọi hàng hoá hư hỏng nếu xác định nguyên nhân do Bên B và/hoặc nhà sản xuất. Các hàng hoá có lỗi đã sửa chữa trên một lần mà vẫn bị lỗi thì Bên B có trách nhiệm thay thế hàng hoá mới cho Bên A miễn phí. Thời hạn bảo hành đối với các hàng hoá này sẽ được tính lại từ thời điểm hai bên ký Biên bản bàn giao hàng hoá được thay thế.

Quá thời gian để Bên B khắc phục theo yêu cầu của Bên A mà Bên B không thực hiện khắc phục hoặc không khắc phục được, Bên A có quyền tự mình hoặc yêu cầu bên thứ ba thực hiện kiểm tra và khắc phục, thay thế. Trong trường hợp này, Bên B không có quyền thắc mắc hay khiếu nại về nguyên nhân, chi phí và phải thanh toán toàn bộ chi phí cho Bên A bằng cách thanh toán trực tiếp hoặc sẽ khấu trừ vào khoản thanh toán tiếp theo (nếu có).

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian tối đa 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Phán quyết của Tòa án có thẩm quyền. Trong thời gian chờ đợi phân xử của Tòa án, Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng tiến độ, không vì lý do tranh chấp mà trì trệ đối với từng công việc. Nếu không thực hiện quy định trên mà gây ảnh hưởng tới quá trình sản xuất của Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành bộ, Bên A giữ bộ, Bên B giữ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN B**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN A**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]

